

Số: 04 /QĐ-VPC

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai và đánh giá thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2023

**CHÁNH VĂN PHÒNG
CỤC ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1784/QĐ-BKHCN ngày 26/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UĐCN ngày 05/01/2023 của Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ về việc giao Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UĐCN ngày 15/5/2023 về việc giao Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UĐCN ngày 07/7/2023 về việc giao Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 4);

Xét đề nghị của Kế toán Văn phòng Cục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai và đánh giá thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 của Văn phòng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Cục và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- P.KHTC (để phối hợp);
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đào Thị Anh Thư

CỤC ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CỤC

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-VPC ngày 05 tháng 10 năm 2023)

Đơn vị tính: trđ

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|----------|---|-------------------|
| I | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 6.469 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 4.383 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 4.383 |
| 2 | Nghiên cứu khoa học | 1.936 |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | 1.936 |
| | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia | |
| | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ | 1.936 |
| 1 | Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về định mức kinh tế, kỹ thuật của một số hoạt động kết nối, chuyển giao và đổi mới công nghệ | 286 |
| 2 | Đánh giá hiện trạng hoạt động ứng dụng tiến bộ KH&CN địa phương | 574 |
| 3 | Nghiên cứu giải pháp quản lý, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ được nhập khẩu, chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam | 450 |
| 4 | Nghiên cứu giải pháp quản lý, thúc đẩy hợp tác đồng đổi mới sáng tạo (Co-Innovation) cho doanh nghiệp Việt Nam | 626 |
| | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng | |
| 3 | Kinh phí không thường xuyên | 150 |
| | Thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ năm 2023 | 150 |

Qu

CỤC ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CỤC

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-VPC ngày 05 tháng 10 năm 2023)

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm 2023 | Ước thực hiện 09 tháng đầu năm 2023 | So sánh (%) | |
|----------|--|------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------|
| | | | | Dự toán năm 2023 | Cùng kỳ năm trước |
| I | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 6.469,0 | 3.742,5 | 58% | 135,4% |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 4.383,0 | 2.905,0 | 66% | 105,1% |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 4.383,0 | 2.857,0 | 65% | 103,4% |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | 48,0 | | |
| | <i>Kinh phí cải cách tiền lương từ năm trước chuyển sang (nguồn 14.01)</i> | | 48,0 | | |
| 2 | Nghiên cứu khoa học | 1.936,0 | 768,5 | 40% | |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | 1.936,0 | 768,5 | 40% | |
| | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ | 1.936,0 | 768,5 | 40% | |
| 1 | <i>Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về định mức kinh tế, kỹ thuật của một số hoạt động kết nối, chuyển giao và đổi mới công nghệ</i> | 286,0 | 85,0 | 30% | |
| 2 | Đánh giá hiện trạng hoạt động ứng dụng tiên bộ KH&CN địa phương | 574,0 | 547 | 95% | |
| 3 | <i>Nghiên cứu giải pháp quản lý, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ được nhập khẩu, chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam</i> | 450 | 137 | 30% | |

| | | | | |
|---|---|------------|-----------|------------|
| 4 | <i>Nghiên cứu giải pháp quản lý, thúc đẩy hợp tác đồng đổi mới sáng tạo (Co-Innovation) cho doanh nghiệp Việt Nam</i> | 626 | 0 | 0% |
| 3 | Kinh phí không thường xuyên | 150 | 69 | 46% |
| | <i>Thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ năm 2023</i> | 150 | 69 | 46% |

an